

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SEN VÀNG**



MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	04 - 06
4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	07 - 09
5. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Tên tiếng anh: GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: GLS

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Lầu 2- 3, Số 13- 15- 17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. HCM.

2. Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính:

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Võ Đắc Khôi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Minh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Phương Uyên	Thành viên
Bà Quan Diễm Trang	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Ngọc Trường Chinh	Tổng Giám Đốc - Người đại diện theo pháp luật.
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Kế toán trưởng.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập căn cứ trên số liệu các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TP. HCM, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Trường Chinh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số:0714463ATTC/AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 01 năm 2015, từ trang 04 đến trang 10 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN THANH VÂN

Số GCNĐKHNKT: 2196-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 04 tháng 03 năm 2015



PHẠM VĂN VINH

Số giấy CNĐKHN KT: 0112-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN SEN VÀNG
V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài
chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 02 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Thùy

**Trưởng bộ phận Kiểm soát
nội bộ**

Phan Ngọc Tường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Trường Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn	68.484.908.827	1.295.530.549	263.458.266
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	-		
5	Quỹ Đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ Dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(66.515.091.173)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		1.295.530.549	263.458.266
1A	Tổng		67.452.836.544	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		785.284.895	
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>		-	
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.2	Tài sản ngắn hạn khác		8.000.000	
1B	Tổng		793.284.895	

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4	Phải thu dài hạn khác			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		12.954.195.302	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	
V	Tài sản dài hạn khác		620.329.734	
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		-	
1C	Tổng		13.574.525.036	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C			53.085.026.613	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			36.056.784.695	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	36.056.784.695	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5,1	<i>Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc các ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD</i>	3%	-	-
	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm</i>	3%	-	-
5,2	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm</i>	4%	-	-
	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên</i>	5%	-	-
III. Trái phiếu Doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. Cổ phiếu			18.967.900.300	3.591.787.470
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	8.284.329.600	828.432.960
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	2.944.736.000	441.710.400
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	63.000	12.600
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty Đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	7.738.771.700	2.321.631.510
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sàn giao dịch)	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm			-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1		20%	-	-
(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII)			55.024.684.995	3.591.787.470

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

B. RỦI RO THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN THEO ĐỐI TÁC		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm						-	
2	Cho vay chứng khoán						-	
3	Vay chứng khoán						-	
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (Repo)						-	
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (Reverse Repo)						-	
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-	
	Cộng						-	
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
Thời gian quá hạn		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro				
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%						
4	Từ 60 ngày trở đi	100%						
	Cộng							
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1		0%						
	Cộng							
(B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)								

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	9.883.059.669
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	961.746.596
	1. Chi phí khấu hao	2.749.196.096
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(1.787.449.500)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	8.921.313.073
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.230.328.268
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
(C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})		27.000.000.000

(D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	30.591.787.470
--	-----------------------

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	3.591.787.470	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3)	30.591.787.470	
5	Vốn khả dụng	53.085.026.613	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	173,53%	